

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 75/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08/6/2023
V/v: “Tranh chấp ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH-TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ba

Bà Lê Thị Ánh Sáng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Diễm - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Long Thành - tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 909/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 110/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17/5/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp M, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Trọng H, sinh năm 1975

Địa chỉ: Ấp M, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Đ trình bày:

Bà và ông Huỳnh Trọng H kết hôn vào năm 2004, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, từ năm 2017 bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Bà và ông H có 02 con chung là Huỳnh Lê N, sinh ngày 27/6/2006 và Huỳnh Lê Bảo N, sinh ngày 04/4/2017. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Theo bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn ông Huỳnh Trọng H trình bày:

Ông và bà Lê Thị Đ kết hôn vào năm 2004, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận, tuy nhiên thời gian gần đây vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông đi làm xa về đọc được nội dung tin nhắn của bà Đ và người khác dẫn đến cãi vã, bà Đ đã bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống từ đó đến nay. Nay bà Đ yêu cầu ly hôn ông không đồng ý vì vợ chồng chưa thỏa thuận xong về vấn đề tài sản chung và con chung.

Về con chung: Ông và bà Đ có 02 con chung là Huỳnh Lê N, sinh ngày 27/6/2006 và Huỳnh Lê Bảo N, sinh ngày 04/4/2017. Ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Huỳnh Lê N, đồng ý giao con chung Huỳnh Lê Bảo N cho bà Đ nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định pháp luật. Trong vụ án này, các đương sự được xác định đúng tư cách pháp lý, đảm bảo việc thu thập chứng cứ, việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Lê Thị Đ.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung là Huỳnh Lê N, sinh ngày 27/6/2006 và Huỳnh Lê Bảo N, sinh ngày 04/4/2017 cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Đ và ông Huỳnh Trọng H kết hôn vào năm 2004, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai, đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà Đ trình bày, Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, từ năm 2017 bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Theo bị đơn ông Huỳnh Trọng H trình bày, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận, tuy nhiên thời gian gần đây vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông đi làm xa về đọc được nội dung tin nhắn của bà Đ và người khác dẫn đến cãi vã, bà Đ đã bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống từ đó đến nay. Nay bà Đ yêu cầu ly hôn ông không đồng ý vì vợ chồng ông chưa thỏa thuận xong về vấn đề tài sản chung và con chung.

Xét thấy, theo nội dung biên bản xác minh ngày 28/02/2023 tại Ban ấp M, xã A thể hiện: *“Trong quá trình chung sống giữa bà Đ và ông H thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn địa phương không nắm được. Tuy nhiên, khoảng thời gian trước tết Nguyên đán năm 2023, bà Đ có trình báo địa phương về việc bị ông H gây áp lực về tinh thần và đánh đập bà Đ. Địa phương có làm việc hòa giải nhưng giữa bà Đ và ông H không thể hàn gắn, từ năm 2019 ông H đã dọn ra khỏi nhà, đến tháng 10 năm 2022 ông H trở về nhà, tuy nhiên hiện tại ông H bà Đ không chung sống, bà Đ và 02 con chung đã về nhà cha mẹ ruột của bà Đ sinh sống”*.

Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Lê Thị Đ và ông Huỳnh Trọng H là có thật và đã tồn tại một thời gian dài, cả bà Đ và ông H đều không tìm được cách hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng và đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đ.

[2] Về con chung: Bà Đ và ông H có 02 con chung là Huỳnh Lê N, sinh ngày 27/6/2006 và Huỳnh Lê Bảo N, sinh ngày 04/4/2017. Bà Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung. Ông H đồng ý giao con chung Huỳnh Lê Bảo N cho bà Đ nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Đối với con chung Huỳnh Lê N, từ khi ông H và bà Đ ly thân thì bà Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, đồng thời tại bản tự khai, cháu Huỳnh Lê N cũng có nguyện vọng muốn được ở cùng với mẹ. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Đ, giao 02 con chung cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục để đảm bảo sự phát triển tốt nhất về thể

chất và tinh thần của các cháu. Về cấp dưỡng nuôi con chung, bà Đ không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: Các đương sự khai không có, do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Nhận định của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 9, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Đ đối với bị đơn ông Huỳnh Trọng H về việc “tranh chấp ly hôn”.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Đ được ly hôn với ông Huỳnh Trọng H.

Về con chung: Giao 02 con chung là Huỳnh Lê N, sinh ngày 27/6/2006 và Huỳnh Lê Bảo N, sinh ngày 04/4/2017 cho bà Lê Thị Đ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Tạm thời ông Huỳnh Trọng H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Huỳnh Trọng H được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết, các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Lê Thị Đ phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí sơ thẩm bà Đ đã nộp tại biên lai thu số 0006453 ngày 08/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Bà Đ đã nộp đủ án phí.

Bà Lê Thị Đ và Ông Huỳnh Trọng H được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Long Thành (2)
- UBND xã A (01)
- THA DS (1)
- Lưu (6)
- Đương sự (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ TẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

“

Nguyễn Hữu Ngọc